TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Bản án số: **435**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15/8/2020 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -------o0o-------

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Nguyễn Thị Ph- ơng Huyền***

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Tạ Đức Minh;***

Bà ***Đặng Thị Nhác***

- Th- ký ghi biên bản phiên toà: Ông ***Đặng Hoàng Phương*** *- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Bà ***Nguyễn Thị Thanh Hương*** *- Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **185**/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số **56**/2020/QĐXX-ST ngày 06/7/2020 và quyết định hoãn phiên toà ngày 25/7/2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy Ng** - sinh năm 1968 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Trú tại: Tổ 16, phường BĐ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bi đơn: Ông **Nguyễn Như T** - sinh năm 1966 *(Vắng mặt)*

Trú tại: Số 15 ngõ 78 phố HNT, tổ 8, phường BĐ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy Ng trình bày**:

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Như T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/12/1992 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông T mải chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với con cái nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông T không thay đổi, còn có lời lẽ xúc phạm và không tôn trọng bà. Ông bà đã

ly thân từ năm 2008. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ, kiên quyết xin ly hôn ông T.

- Về con: Ông bà có 02 con chung là **Nguyễn Thu Tr** – sinh năm 1990 (Nữ) và **Nguyễn Như Tr1 -** sinh năm 1997 (Nam), đều đã thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Ng chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là ông Nguyễn Như T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bầy. Bị đơn là ông Nguyễn Như T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

*** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Ng và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình. Bà Ng đã khuyên can, động viên nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Ng có đơn xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về con: Ông bà có 02 con chung đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Ng phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thúy Ng xin ly hôn ông Nguyễn Như T có hộ khẩu th- ờng trú và đang sinh sống, ăn ở tại tổ 8, phường BĐ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc bà Ng khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy Ng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai, yêu cầu về việc ly hôn nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Nguyễn Như T trong quá trình giải quyết vụ án, đã đ- ợc Toà án triệu tập nhiều lần nh- ng đều vắng mặt. Ngày 25/7/2020, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nh- ng ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 15/8/2020. Tại phiên toà ngày 15/8/2020, ông T tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai ông T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã đ- ợc Toà án tống đạt hợp lệ, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy Ng và ông Nguyễn Như T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào nngày 09/12/1992 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông T không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, với gia đình. Bà Ng nhiều lần khuyên can, tha thứ, chờ đợi nhưng ông T không thay đổi mà còn đe dọa, xúc phạm bà. Vợ chồng sống ly thân và bà Ng đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2008. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải nhưng ông kiên quyết không nhận giấy triệu tập, không hợp tác, không có quan điểm, bỏ mặc trước việc bà Ng ly hôn với ông. Điều này thể hiện rõ ông T không hề có thiện chí hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Xét thấy cuộc sống chung giữa bà Ng và ông T không thể kéo dài, tình trạng vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Ng đối với ông T là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với đề xuất của Viện kiểm sát.

- Về con: Ông bà có 02 con chung là **Nguyễn Thu Tr** – sinh năm 1990 (Nữ) và **Nguyễn Như Tr1** - sinh năm 1997 (Nam), đều đã thành niên.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy Ng đối với ông Nguyễn Như T.

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng được ly hôn ông Nguyễn Như T.

Giấy chứng nhận kết hôn số **189** ngày 09/12/1992 do UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (Nay là phường BĐ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội) cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy Ng và ông Nguyễn Như T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Xác định bà Ng và ông T có 02 con chung là **Nguyễn Thu Tr** – sinh năm 1990 (Nữ) và **Nguyễn Như Tr1 -** sinh năm 1997 (Nam), đều đã thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà Ng đã nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0016146** ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng và ông Nguyễn Như T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc tống đạt bản án hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường BĐ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS, VP.

Nguyễn Thị Ph- ơng Huyền

HÔI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà